

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HS-ST

Ngày 19/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu – Cán bộ hưu trí và ông Phạm Ngọc Tân – Phó Hiệu trưởng trường trung học cơ sở Võ Trứ, thị trấn Chí Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/HSST ngày 07 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2021 đối với:

**** Bị cáo:***

Lê Văn L – sinh ngày 30/3/2003; Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 7/12. Con ông: Lê M – sinh năm 1946 và bà Trương Thị L – sinh năm 1954. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 22/4/2020, bị Công an xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/9/2021, có mặt.

**** Đại diện hợp pháp của bị cáo:*** Vợ chồng ông **Lê M** – sinh năm 1946; Địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên và bà **Trương Thị L** – sinh năm 1954; Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Những người bị hại:***

1. Anh **Đoàn Anh T** – sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

2. Anh **Phạm Ngọc Q** – sinh năm 2001; Địa chỉ: thôn S, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Anh **Võ Ngọc H** – sinh năm 2002; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn P, huyện H, tỉnh Phú Yên, đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Những người làm chứng:***

1. Anh **Hồ Chí T** – sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh **Đặng Minh N** – sinh năm 2002; Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có tiền tiêu xài, Lê Văn L – sinh ngày 30/3/2003; trú tại thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã H, huyện A, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ 00, ngày 13/11/2020, Lê Văn L đến nhà anh Đoàn Anh T ở thôn N, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên chơi và xin ngủ lại. Đến khoảng 04 giờ 00, ngày 14/11/2020, L thức dậy thấy anh T còn đang ngủ, bên cạnh có chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus màu hồng, có ốp lưng màu đen, đang cắm sạc nên L lấy trộm điện thoại di động. Sau đó, L mang điện thoại vào thành phố T, tỉnh Khánh Hòa bán cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) được 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 10/6/2021, Lê Văn L đi bộ xuống biển thuộc thôn S, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên thấy anh Đặng Minh N và anh Phạm Ngọc Q đang nằm ngủ ở bãi biển nên L đến xin N thuốc lá để hút. L nhìn thấy anh Q để điện thoại di động hiệu Redmi 9A vỏ điện thoại màu xanh trên người nên L nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại bán lấy tiền tiêu xài. Đến 02 giờ 00 ngày 11/6/2021, L quay lại thấy anh N và anh Q ngủ say nên L đến chỗ Q lén lút lấy điện thoại của Q rồi đi đến tiệm điện thoại “H K” thuộc thôn Q, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên bán cho anh Võ Ngọc H được 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền xài cá nhân.

- Tại các bản Kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 17/12/2020 và số 33/KL-HĐĐGTS, ngày 23/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy An kết luận: Điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus màu hồng, có ốp lưng màu đen trị giá 2.800.000đ, 01 sim điện thoại trị giá 50.000đ, 01 ốp lưng trị giá 20.000đ. 01 điện thoại di động Redmi 9A vỏ điện thoại màu xanh trị giá 2.030.000đ (Hai triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9A màu xanh, model m2006c3gl.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-TA ngày 06/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: đồng ý bồi thường nếu bị cáo không có khả năng bồi thường.

Bị hại Phạm Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị nhận lại tài sản là điện

thoại di động hiệu Redmi 9A, vỏ màu xanh, model m2006c3gl không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt yêu cầu bị cáo bồi thường 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 06/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 21/9/2021. Về dân sự: áp dụng Điều 584, 586 và 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho anh Đoàn Anh T 2.870.000đ, nếu bị cáo không đủ tiền bồi thường thì cha mẹ bị cáo là ông Lê M, bà Trương Thị L có trách nhiệm bồi thường thay bị cáo. Buộc bị cáo bồi thường cho anh Võ Ngọc H 1.000.000đ. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 48 Bộ luật hình sự: trả 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9A vỏ màu xanh cho anh Phạm Ngọc Q theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2021 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tuy An với Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An.

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ nêu trên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đại diện hợp pháp, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản thực nghiệm điều tra, sơ đồ thực nghiệm hiện trường, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: vào ngày 14/11/2020 và ngày 11/6/2021 trên địa bàn xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, Lê Văn L đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là điện thoại di động của anh Đoàn Anh T và anh Phạm Ngọc Q. Hành vi bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 06/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội và phạm tội 02 lần thuộc tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật. Với hành vi của bị cáo như vậy nên bị cáo phải nhận mức án tương xứng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo thực hiện hành vi vào ngày 14/11/2020 chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 7 tháng 14 ngày) nên trình độ nhận thức có phần hạn chế. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo, xử bị cáo mức án trong khung hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Đối với hành vi của Võ Ngọc H: Anh H mua điện thoại của L nhưng không biết điện thoại do L trộm cắp mà có nên không phạm tội. Đối với hành vi của người đàn ông (không rõ lai lịch) mua điện thoại trộm cắp của Lê Văn L, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Lê Văn L thực hiện 02 lần phạm tội, tổng thiệt hại 4.900.000đ. Trong đó lần phạm tội ngày 14/11/2020: 2.870.000đ, thời điểm bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo có trách nhiệm bồi thường bằng tài sản của mình nếu bị cáo không đủ tài sản để bồi thường thì vợ chồng ông M, bà L phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Đối với lần phạm tội ngày 11/6/2021, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Võ Ngọc H 1.000.000đ tiền bán điện thoại cho anh H. Anh H không biết điện thoại này do bị cáo phạm tội mà có.

[4] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Phạm Ngọc Q 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9A vỏ màu xanh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tuy An với Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An.

[5] Về án phí: bị cáo Lê Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo **09 (Chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/9/2021.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 584, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lê Văn L phải bồi thường cho anh Đoàn Anh T 2.870.000đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng), nếu bị cáo không đủ tài sản để bồi thường thì vợ chồng ông Lê M bà Trương Thị L có trách nhiệm bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Buộc bị cáo bồi thường cho anh Võ Ngọc H 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 48 Bộ luật hình sự: Trả lại cho anh Phạm Ngọc Q 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9A vỏ màu xanh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tuy An với Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo **Lê Văn L phải chịu 200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đại diện hợp pháp của bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Tuy An;
- CA huyện Tuy An, nhà tạm giữ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo và đại diện hợp pháp;
- Các bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Lê Thị Xuân Hương